

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2019/HS-ST
Ngày: 28/11/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Hà
2. Bà Trần Thị Bích Huệ

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Hiếu – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái: Ông Lương Xuân Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 51/2019/TLST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2019/QĐXXST-HS ngày 14/11/2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T (tên gọi khác: Không) sinh ngày 10/10/1973. Tại Huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn C, xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn V (đã chết) và bà Lê Thị H (đã chết). Bị cáo có vợ là Sầm Thị H sinh năm 1974 và 02 con. Con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2008. Hiện vợ con trú tại: Thôn C, xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện tại ngoại tại thôn C, xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái - Có mặt.

2. Phùng Văn T (tên gọi khác: Không) sinh ngày 10/8/1990. Tại Xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn L, xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phùng Văn Q sinh năm

1962 và bà Lương Thị Á sinh năm 1968. Bị cáo có vợ là Vũ Thị H sinh năm 2000 và 01 con sinh năm 2019. Hiện vợ con trú tại: Thôn L, xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo là Đảng viên.

Bị cáo hiện tại ngoại tại thôn L, xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái - Có mặt.

3. Nguyễn Quang H (tên gọi khác: Không) sinh ngày 05/5/1974. Tại Xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn C, xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Quang Y (đã chết) và bà Trần Thị B sinh năm 1934. Bị cáo có vợ là Ngô Thị L sinh năm 1975 và 02 con. Con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2009. Hiện vợ con trú tại: Thôn C, xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái;

Tiền án: Có 01 tiền án, ngày 22/3/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Văn Yên xử phạt 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 03 năm kể từ ngày tuyên án (22/3/2017) tại Bản án số: 15/2017/HSST;

Tiền sự: Không.

Bị cáo hiện tại ngoại tại thôn C, xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái - Có mặt.

4. Nguyễn Trùng Đ (tên gọi khác: Không) sinh ngày 16/12/1984. Tại Huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn C, xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thanh M (đã chết) và bà Nguyễn Thị T sinh năm 1958. Bị cáo có vợ là Nông Thị H sinh năm 1985 và 02 con. Con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2010. Hiện vợ con trú tại: Thôn C, xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái;

Tiền án: Có 01 tiền án, ngày 24/5/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Văn Yên xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 01 năm kể từ ngày tuyên án (24/5/2018) tại Bản án số: 15/2017/HSST;

Tiền sự: Không.

Bị cáo hiện tại ngoại tại thôn C, xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái - Có mặt.

5. Vũ Văn M (tên gọi khác: Không) sinh ngày 12/11/1980. Tại Huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn C, xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Văn B (đã chết) và

bà Hoàng Thị C sinh năm 1953. Bị cáo có vợ là Trần Thu H sinh năm 1981 và 02 con. Con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2010. Hiện vợ con trú tại: Thôn C, xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện tại ngoại tại thôn C, xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái - Có mặt.

6. Cầm Xuân H (tên gọi khác: Không) sinh ngày 15/5/1989. Tại Huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn Q, xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Cầm Văn T sinh năm 1962 và bà Hà Thị C sinh năm 1967. Bị cáo có vợ là Hoàng Thị T sinh năm 1992 và 02 con. Con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2019. Hiện vợ con trú tại: Thôn Q, xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện tại ngoại tại thôn Q, xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái - Có mặt.

7. Lê Tiến C (tên gọi khác: Không) sinh ngày 26/3/1982. Tại Xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn C, xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Quang D (đã chết) và bà Trần Thị M sinh năm 1943. Bị cáo có vợ là Nguyễn Thúy K sinh năm 1987 và 03 con. Con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2014. Hiện vợ con trú tại: Thôn C, xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện tại ngoại tại thôn C, xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái - Có mặt.

8. Trần Văn T (tên gọi khác: Không) sinh ngày 03/2/1982. Tại Xã Vũ Linh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn N, xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Không và bà Trần Thị T (đã chết). Bị cáo có vợ là Hoàng Thị L sinh năm 1986 và 02 con. Con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2015. Hiện vợ con trú tại: Thôn N, xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện tại ngoại tại thôn N, xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái - Có mặt.

9. Lương Ngọc C (tên gọi khác: Không) sinh ngày 20/10/1990. Tại Xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn L, xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lương Văn V sinh năm 1957 và bà Đinh Thị P sinh năm 1959. Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Huyền T sinh năm 1998 và 01 con sinh năm 2017. Hiện vợ con trú tại: Thôn L, xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện tại ngoại tại thôn L, xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái - Có mặt.

10. Trần Xuân H (tên gọi khác: Không) sinh ngày 10/3/1978. Tại Xã Hoàng Thắng, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn C, xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công Giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn Q sinh năm 1937 và bà Đặng Thị G sinh năm 1937. Bị cáo có vợ là Vũ Thị L sinh năm 1979 (đã ly hôn) và 02 con. Con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2004. Hiện vợ con trú tại: Thôn C, xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện tại ngoại tại thôn C, xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái - Có mặt.

11. Hoàng Văn L (tên gọi khác: Không) sinh ngày 03/1/1983. Tại Xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn Q, xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Văn T (đã chết) và bà Lương Thị P (đã chết). Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị L sinh năm 1984 và 02 con. Con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2015. Hiện vợ con trú tại: Thôn Q, xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện tại ngoại tại thôn Q, xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái - Có mặt.

12. Lê Văn S(tên gọi khác: Không) sinh ngày 10/1/1977. Tại Xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn C, xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn C (đã chết) và bà Lê Thị L sinh năm 1944. Bị cáo có vợ là Trần Thị L sinh năm 1987 và 02 con. Con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2010. Hiện vợ con trú tại: Thôn C, xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện tại ngoại tại thôn C, xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái - Có mặt.

- *Người có quyền lợi liên quan:* Anh Đặng Văn V, sinh năm 1974.

Nơi cư trú: Thôn C, xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái – Văng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

- *Người chứng kiến:*

Anh Lương Văn T địa chỉ: Thôn C, xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái – Văng mặt.

Anh Nguyễn Văn Đ địa chỉ: Thôn C, xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái – Văng mặt.

Anh Bùi Mạnh H địa chỉ: Thôn T, xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái – Văng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22giờ ngày 26/8/2019 Phùng Văn T và Nguyễn Văn T đến nhà Vũ Văn M ở cùng thôn với T chơi. Trong lúc ngồi nói chuyện T rủ T và M đến ngôi nhà bỏ hoang của gia đình anh chị Th T ở cùng thôn xem có người đánh bạc thì tham gia, T và M đồng ý. Trên đường đi T rẽ vào nhà Trần Xuân H rủ H sang ngôi nhà hoang đánh bạc, H nói sẽ sang sau. Khi đến ngôi nhà hoang thì không thấy có ai T, T và M đi ra đầu hồi nhà thấy có 01 bộ bát đĩa bằng sứ, 04 quân xóc làm từ đóm một mặt bôi đen, một mặt sáng màu được đặt sẵn trên chiếu, cả ba ngồi xuống chiếu đợi một lúc thì H đến. Lúc này bốn người rủ nhau đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền, luật chơi quy định có 02 cửa chẵn và lẻ, sau khi xóc và mở bát nếu cả 04 quân vị đều màu trắng hoặc màu đen, hoặc 02 trắng 02 đen thì là chẵn, còn 03 đen 01 trắng hoặc 03 trắng 01 đen thì là lẻ, người chơi tùy chọn cửa chẵn hoặc lẻ để đặt cược, nếu mở bát các quân vị về đúng cửa mình đặt thì được trả thưởng bằng với số tiền đặt cược, nếu không đúng thì bị mất số tiền đặt cược. Khi bắt đầu chơi H lấy điện thoại di động bật đèn Flash rồi cài lên mái cọ phía trên để lấy ánh sáng, T là người cầm cái xóc, còn T, M và H tham gia đặt tiền vào cửa chẵn hoặc cửa lẻ tùy quyết định của mỗi người, mức đặt tiền tối thiểu một người là 10.000đồng trên một ván. Trong lúc T, T, M và H đang đánh bạc với nhau thì có Nguyễn Trùng Đ, Lê Văn S, Lê Tiến C, Đặng Văn V, Lương Ngọc C, Hoàng Văn L, Cầm Xuân H, Trần Văn T rải rác đi đến và vào tham gia đánh bạc. Đặng Văn V có 01 tờ tiền mệnh giá 100.000đồng, V đặt một ván và bị thua nên đứng dậy đi về nhà ngủ. Sau khi V về thì có thêm Nguyễn Quang H và một số người nữa đến tham gia đánh bạc. Đang đánh thì điện thoại của H hết pin, nên C đã lấy điện thoại của mình bật đèn Flash cài lên mái cọ lấy ánh sáng cho mọi người tiếp tục chơi. Được vài ván thì T thua hết tiền nên T đã chuyển cho H cầm xóc cái, lúc này mọi người thống

nhất nâng mức đặt tiền tối thiểu một người là 50.000 đồng trên một ván, còn ai đánh cao hơn bao nhiêu thì tùy. Đến 23 giờ 30 phút cùng ngày khi các đối tượng đang đánh bạc sát phạt nhau, thì bị Tổ công tác thuộc Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về Kinh tế - Ma túy Công an huyện Văn Yên phát hiện bắt quả tang. Tổ công tác đã bắt giữ được 09 người gồm: Phùng Văn T, Nguyễn Quang H, Hoàng Văn L, Nguyễn Văn T, Lương Ngọc C, Vũ Văn M, Lê Tiến C, Trần Văn T, Cầm Xuân H và thu giữ một số vật chứng gồm: Tiền là 8.000.000đ (thu trên chiếu bạc); 01 chiếc bát sứ màu trắng, đáy bát có nhiều chữ, màu khác nhau; 01 chiếc đĩa sứ màu trắng có viền xung quanh màu vàng; 04 quân vị làm từ que đóm một mặt đen, một mặt sáng màu; 01 chiếu cỏi đã qua sử dụng.

Chiều ngày 27/8/2019 Nguyễn Trùng Đ, Trần Xuân H và Đặng Văn V ra đầu thú; ngày 04/9/2019 Lê Văn S đến Công an huyện Văn Yên đầu thú.

Số tiền mà các đối tượng sử dụng vào mục đích đánh bạc vào ngày 26/8/2019 tại thôn C, xã Đông Công, huyện Văn Yên, cụ thể như sau:

- Phùng Văn T mang theo 700.000 đồng sử dụng để đánh bạc, khi bị bắt quả tang T đã thua hết số tiền này.

- Nguyễn Quang H mang theo 500.000 đồng sử dụng đánh bạc, khi bị bắt quả tang đã thua mất 400.000 đồng còn 100.000 đồng H đã giao nộp cho Cơ quan điều tra.

- Lương Ngọc C mang theo 200.000 đồng sử dụng đánh bạc, quá trình đánh bạc C thắng được 50.000 đồng, C trả nợ cho Lê Tiến C 200.000 đồng vay từ trước. Còn 50.000 đồng khi bị bắt quả tang C đã bỏ xuống chiếu bạc.

- Hoàng Văn L mang theo 350.000 đồng sử dụng để đánh bạc, khi bị bắt quả tang đã thua 250.000 đồng, còn 100.000 đồng để trên chiếu bạc.

- Vũ Văn M mang theo 2.800.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt quả tang đã thua mất 800.000 đồng còn 2.000.000 đồng M đã giao nộp cho Cơ quan điều tra.

- Lê Tiến C không mang theo tiền, tại chiếu bạc Lương Ngọc C trả nợ cho C 200.000 đồng. C sử dụng số tiền này để đánh bạc và bị thua hết.

- Trần Văn T mang theo 200.000 đồng sử dụng để đánh bạc, khi bị bắt quả tang T đã thua hết số tiền này.

- Cầm Xuân H mang theo 1.700.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt quả tang đã thua mất 100.000 đồng còn 1.600.000 đồng H đã giao nộp cho Cơ quan điều tra.

- Nguyễn Văn T mang theo 700.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt quả tang đã thua mất 200.000 đồng còn 500.000 đồng T đã giao nộp cho Cơ quan điều tra.

- Trần Xuân H mang theo 200.000 đồng sử dụng để đánh bạc, khi bị bắt quả tang H đã thua hết số tiền này.

- Nguyễn Trùng Đ mang theo 20.000 đồng sử dụng đánh bạc và thắng được 180.000 đồng. Khi Cơ quan điều tra bắt quả tang Đ cầm theo theo số tiền 200.000 đồng bỏ chạy, số tiền này Đ đã chi tiêu cá nhân hết.

- Lê Văn S mang theo 150.000 đồng sử dụng để đánh bạc, khi bị bắt quả tang S đã thua hết số tiền này.

- Ngoài ra theo lời khai của các bị can thì còn có một số đối tượng khác cũng đến tham gia đánh bạc nhưng đã bỏ chạy. Do không biết tên, tuổi, địa chỉ của những đối tượng này, nên Cơ quan điều tra không có đủ cơ sở để xác minh, xử lý và không xác định được số tiền những đối tượng này đã sử dụng để đánh bạc là bao nhiêu, thắng thua như thế nào.

Về vật chứng của vụ án đã thu giữ: 01 chiếc bát sứ màu trắng, đáy bát có nhiều chữ, màu khác nhau; 01 chiếc đĩa sứ màu trắng có viền xung quanh màu vàng; 04 quân vị làm từ que đóm một mặt đen, một mặt sáng màu; 01 chiếc cối; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ máy màu đen màn hình màu (thu giữ của Trần Xuân H); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ máy màu đen màn hình đen trắng (thu giữ của Lê Tiến C) và số tiền 12.200.000đ (trong đó: 8.000.000 đồng thu trên chiếu bạc và 4.200.000 đồng do các bị cáo tự giao nộp) .

Tại bản cáo trạng số: 51/CT-VKS-VY ngày 05/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên đã truy tố Nguyễn Văn T; Nguyễn Quang H; Phùng Văn T; Hoàng Văn L; Lương Ngọc C; Vũ Văn M; Lê Tiến C; Trần Văn T; Cầm Xuân H; Trần Xuân H; Nguyễn Trùng Đ; Lê Văn S về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T; Nguyễn Quang H; Phùng Văn T; Hoàng Văn L; Lương Ngọc C; Vũ Văn M; Lê Tiến C; Trần Văn T; Cầm Xuân H; Trần Xuân H; Nguyễn Trùng Đ; Lê Văn S phạm tội “Đánh bạc” và đề nghị HĐXX:

- Bị cáo Nguyễn Văn T: Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s, t khoản 1 Điều 51; 17; 58; 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

- Bị cáo Phùng Văn T: Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s, t khoản 1 Điều 51; 17; 58; 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

- Bị cáo Nguyễn Quang H: Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 56; 17; 58; khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Tổng hợp hình phạt với bản án số: 15/2017/HSST ngày 22/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện Văn

Yên, tỉnh Yên Bái. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án.

- Bị cáo Nguyễn Trung Đ: Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; 17; 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

- Bị cáo Vũ Văn M: Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s, t khoản 1 Điều 51; 17; 58; 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

- Bị cáo Lê Tiến C: Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s, t khoản 1 Điều 51; 17; 58; 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

- Bị cáo Chăm Xuân H: Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s, t khoản 1 Điều 51; 36, 17; 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

- Bị cáo Trần Văn T: Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s, t khoản 1 Điều 51; 36, 17; 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

- Bị cáo Trần Văn H: Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s, t khoản 1; 2 Điều 51; 36, 17; 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

- Bị cáo Hoàng Văn L: Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s, t khoản 1; 2 Điều 51; 36, 17; 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

- Bị cáo Lê Văn S: Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s, t khoản 1; 2 Điều 51; 36, 17; 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

- Bị cáo Lương Ngọc C: Có tài sản và thu nhập ổn định. Do vậy cần áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s, t khoản 1 Điều 51; 32; 35; 17; 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo từ 30.000.000đồng đến 40.000.000đồng nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo Nguyễn Văn T; Nguyễn Quang H; Phùng Văn T; Hoàng Văn L; Vũ Văn M; Lê Tiến C; Trần Văn T; Chăm Xuân H; Trần Xuân H; Nguyễn Trung Đ; Lê Văn S đều không có tài sản riêng và không có nghề nghiệp thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 1 điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Truy thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 200.000đồng của bị cáo Nguyễn Trùng Đ.

Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA vỏ máy màu đen, bàn phím nổi, màn hình đen trắng, máy cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết máy bên trong; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA vỏ máy màu đen, màn hình màu, bàn phím nổi, máy cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết máy bên trong.

12.200.000đồng (trong đó 8.000.000đồng thu giữ tại chiếu bạc và 4.200.000đồng thu giữ của các bị cáo giao nộp).

Tịch thu tiêu hủy:

- Một bát sứ màu trắng, đáy bát có nhiều chữ, màu khác nhau.
- Một đĩa sứ màu trắng có viền xung quanh màu vàng.
- Một chiếu làm bằng cỏ đã qua sử dụng.
- Một phong bì do bưu điện Việt Nam phát hành bên trong đựng 04 quân vị bằng đồng, một mặt màu đen, một mặt sáng màu.
- Một phong bì do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái phát hành. Mặt trước ghi “Vật chứng thu giữ khi bắt quả tang các đối tượng có hành vi đánh bạc trái phép xảy ra tại thôn C, xã Đông Công, huyện Văn Yên, Yên Bái ngày 26/8/2019 (Sau khi giám định)”. Mặt sau phong bì các mép được dán kín có chữ ký, họ tên của Đào Thị Vui, Trương Xuân Ngọc, Lê Hồng Phong và 04 hình dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái.
- Một phong bì do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái phát hành. Mặt trước ghi “Tiền thu giữ trên người Vũ Văn M, Cầm Xuân H, Nguyễn Quang H, Nguyễn Văn T sau khi bắt quả tang các đối tượng có hành vi đánh bạc trái phép xảy ra tại thôn C, xã Đông Công, huyện Văn Yên, Yên Bái ngày 26/8/2019 (Sau khi giám định)”. Mặt sau phong bì các mép được dán kín có chữ ký, họ tên của Đào Thị Vui, Trương Xuân Ngọc, Lê Hồng Phong và 04 hình dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái.

Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Các bị cáo phải chịu án phí HSST.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an và Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo; người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình hỏi và tranh luận tại phiên tòa các bị cáo đã khai phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng của vụ án đã thu giữ, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Hồi 23 giờ 30 phút ngày 26/8/2019 các bị cáo Phùng Văn T, Nguyễn Quang H, Nguyễn Văn T, Hoàng Văn L, Lương Ngọc C, Vũ Văn M, Lê Tiến C, Trần Văn T, Cầm Xuân H, Trần Xuân H, Nguyễn Trùng Đ và Lê Văn S đang cùng nhau đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền tại thôn C, xã Đông Công, huyện Văn Yên thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Yên bắt quả tang, thu giữ vật chứng gồm: 01 chiếc bát sứ, 01 chiếc đĩa sứ; 04 quân vị làm từ que đóm; 01 chiếu cói; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ máy màu đen màn hình màu; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ máy màu đen màn hình đen trắng và số tiền 12.200.000đ (trong đó: 8.000.000 đồng thu trên chiếu bạc và 4.200.000 đồng do các bị cáo tự giao nộp cụ thể của bị cáo Nguyễn Quang H là 100.000đồng; Cầm Xuân H là 1.600.000đồng; Vũ Văn M là 2.000.000đồng; Nguyễn Văn T là 500.000đồng). Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 điều 321 Bộ luật Hình sự. Do đó cáo trạng số: 51/CT-VKS-VY ngày 05/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái đã truy tố các bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét vai trò đồng phạm, tích chất, mức độ phạm tội của các bị cáo. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không có người đứng ra tổ chức, tính chất quy mô và số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc không lớn.

Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án thấy rằng: Bị cáo Nguyễn Văn T là người rủ rê việc đi đánh bạc. Phùng Văn T và Nguyễn Quang H là người trực tiếp cầm xóc cái để đánh bạc. Do vậy các T; H; T phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò chính trong vụ án. Đối với Nguyễn Trùng Đ; Vũ Văn M; Cầm Xuân H; Trần Văn T; Lê Tiến C; Trần Xuân H; Hoàng Văn L; Lê Văn S; Lương Ngọc C có hành vi đánh bạc cùng nhau để thu lợi bất chính. Do vậy 09 bị cáo này phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm trong vụ án.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, có nguy cơ đe dọa đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của công dân,

gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn. Mặc dù nhận thức rõ hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố tình thực hiện, mục đích nhằm chiếm đoạt tiền bạc, tài sản của nhau để thỏa mãn nhu cầu của bản thân.

[5] Về nhân thân các bị cáo: Các bị cáo Phùng Văn T; Vũ Văn M; Cầm Xuân H; Trần Văn T; Trần Xuân H; Hoàng Văn L; Lê Văn S; Lương Ngọc C là những người chưa có tiền án, tiền sự.

Các bị cáo Nguyễn Văn T; Lê Tiến C là những người đã bị xử phạt hành chính nhưng đến nay đã hết thời hạn nên được coi là chưa bị xử lý hành chính.

Bị cáo Nguyễn Quang H; Nguyễn Trùng Đ đã bị xử phạt tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc” chưa được xóa án tích.

[6] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối với bị cáo Nguyễn Quang H ngày 22/3/2017 Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xử phạt Nguyễn Quang H 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm về tội “Đánh bạc” lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp phạm tội trong thời gian thử thách.

Đối với bị cáo Nguyễn Trùng Đ: Ngày 24/5/2018 Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xử phạt bị cáo Nguyễn Trùng Đ 06 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 01 năm về tội “Đánh bạc”. Mặc dù đã chấp hành xong thời gian thử thách nhưng bị cáo chưa được xóa án tích.

Nên lần phạm tội này của hai bị cáo thuộc trường hợp “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong suốt quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa 12 bị cáo đều thành khẩn khai báo và tỏ ra rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo đều tích cực hợp tác với cơ quan trong việc phát hiện tội phạm và trong quá trình giải quyết vụ án. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, t khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự mà các bị cáo được hưởng.

Hành vi đánh bạc của các bị cáo: Nguyễn Văn T; Phùng Văn T; Vũ Văn M; Cầm Xuân H; Trần Văn T; Lê Tiến C; Trần Xuân H; Hoàng Văn L; Lê Văn S; Lương Ngọc C là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự mà các bị cáo được hưởng.

Các bị cáo Nguyễn Trùng Đ; Trần Xuân H; Lê Văn S sau khi phạm tội đã ra đầu thú tại Cơ quan Công an nên ba bị cáo này được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Quang H có bố đẻ là ông Nguyễn Quang Y và mẹ đẻ là bà Trần Thị B tham gia dân quân hỏa tuyến.

Bị cáo Nguyễn Trùng Đ có bố đẻ là ông Nguyễn Thanh M và mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị T tham gia dân quân hỏa tuyến.

Bị cáo Lê Văn S có bố đẻ là ông Lê Văn C được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì.

Bị cáo Hoàng Văn L có bố đẻ là ông Hoàng Văn T và mẹ đẻ là bà Lương Thị P được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba.

Như vậy năm bị cáo này còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét thấy nên phải có một mức án phù hợp với các bị cáo:

Đối với các bị cáo Nguyễn Quang H; Nguyễn Trùng Đ đã có tiền án chưa được xóa án tích. Do vậy cần cách ly hai bị cáo này ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo các bị cáo đồng thời răn đe, phòng ngừa tội phạm nói chung. Riêng bị cáo Nguyễn Quang H do phạm tội trong thời gian thử thách nên cần tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt tại bản án hình sự sơ thẩm số: 15 /2017/HSPT ngày 22/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Các bị cáo còn lại đều phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1; 2 điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo Nguyễn Văn T; Phùng Văn T; Vũ Văn M; Cầm Xuân H; Trần Văn T; Lê Tiến C; Trần Xuân H; Hoàng Văn L; Lê Văn S ra khỏi xã hội cũng có thể giáo dục cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước đối với người phạm tội.

Đối với bị cáo Lương Ngọc C phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự. Lời khai tại phiên tòa và qua xác minh bị cáo có tài sản và có thu nhập ổn định. Do vậy cần phạt bị cáo hình phạt chính là phạt tiền trong vụ án đối với bị cáo.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 điều 321 Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến năm mươi triệu đồng ...*”. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo Nguyễn Văn T; Phùng Văn T; Vũ Văn M; Cầm Xuân H; Trần Văn T; Lê Tiến C; Trần Xuân H; Hoàng Văn L; Lê Văn S; Nguyễn Quang H; Nguyễn Trùng Đ đều có hoàn cảnh khó khăn, không có việc làm và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo và miễn khấu trừ một phần thu nhập

sung quỹ Nhà nước cho các bị cáo đủ điều kiện áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ.

[9] Đối với Đặng Văn V có 100.000 đồng, tham gia đánh bạc 01 ván và bị thua hết tiền, nên đã đi về nhà ngủ. Quá trình điều tra xác định V chỉ đánh bạc 01 ván với khoảng 06 đến 07 người tham gia, tổng số tiền dùng để đánh bạc của ván đó dưới 5.000.000đồng. Do đó hành vi của Đặng Văn V chưa cấu thành tội: “Đánh bạc”, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với V theo quy định tại điểm a - khoản 2 - Điều 26 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ là phù hợp.

[10] Về vật chứng của vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Đối với số tiền 8.000.000đồng thu giữ khi bắt quả tang tại chiếu bạc. Và 4.200.000đồng số tiền thu giữ của bị cáo Nguyễn Quang H là 100.000đồng; Cầm Xuân H là 1.600.000đồng; Vũ Văn M là 2.000.000đồng; Nguyễn Văn T là 500.000đồng. Số tiền này là của các bị cáo dùng vào việc đánh bạc cần tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

- Truy thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 200.000đồng là tiền thu lợi bất chính của bị cáo Nguyễn Trùng Đ.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA vỏ máy màu đen, bàn phím nổi, màn hình đen trắng, máy cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết máy bên trong; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA vỏ máy màu đen, màn hình màu, bàn phím nổi, máy cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết máy bên trong của hai bị cáo Trần Xuân H và Lê Tiến C là công cụ phương tiện bị cáo dùng để phạm tội. Do vậy cần tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

- Các vật chứng còn lại gồm: Một bát sứ màu trắng, đáy bát có nhiều chữ, màu khác nhau; Một đĩa sứ màu trắng có viền xung quanh màu vàng; Một chiếu làm bằng cói đã qua sử dụng; Một phong bì do bưu điện Việt Nam phát hành bên trong đựng 04 quân vị bằng đồng, một mặt màu đen, một mặt sáng màu; Một phong bì do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái phát hành. Mặt trước ghi “Vật chứng thu giữ khi bắt quả tang các đối tượng có hành vi đánh bạc trái phép xảy ra tại thôn C, xã Đông Công, huyện Văn Yên, Yên Bái ngày 26/8/2019 (Sau khi giám định)”. Mặt sau phong bì các mép được dán kín có chữ ký, họ tên của Đào Thị Vui, Trương Xuân Ngọc, Lê Hồng Phong và 04 hình dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái; Một phong bì do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái phát hành. Mặt trước ghi “Tiền thu giữ trên người Vũ Văn M, Cầm Xuân H, Nguyễn Quang H, Nguyễn Văn T sau khi bắt quả tang các đối tượng có hành vi đánh bạc trái phép xảy ra tại thôn C, xã Đông Công, huyện Văn Yên, Yên Bái ngày 26/8/2019 (Sau khi giám định)”. Mặt sau phong bì các mép được dán kín có chữ ký, họ tên của Đào Thị Vui, Trương Xuân Ngọc, Lê Hồng Phong và 04 hình dấu tròn đỏ của Phòng kỹ

thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái. Các vật chứng này là những công cụ dùng vào việc phạm tội. Xét thấy không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[11] Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật

[12] Các bị cáo; Người có quyền lợi liên quan được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Về tội danh:* Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Quang H; Nguyễn Trùng Đ; Nguyễn Văn T; Phùng Văn T; Vũ Văn M; Cầm Xuân H; Trần Văn T; Lê Tiến C; Trần Xuân H; Hoàng Văn L; Lê Văn S; Lương Ngọc C phạm tội “Đánh bạc”

2. *Về hình phạt và điều luật áp dụng:*

* Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s, t khoản 1; 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 56; 17; 58; khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang H 09 (chín) tháng tù.

Tổng hợp với hình phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo của bản án số: 15/2017/HSST ngày 22/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai bản án là 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

* Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s, t khoản 1; 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; 17; 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trùng Đ 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

* Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s, t khoản 1 Điều 51; 17; 58; 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/11/2019.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo Nguyễn Văn T có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Văn T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

* Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s, t khoản 1 Điều 51; 17; 58; 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phùng Văn T 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo.

Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/11/2019.

Giao bị cáo Phùng Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo Phùng Văn T có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo Phùng Văn T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

* Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s, t khoản 1 Điều 51;17; 58; 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Văn M 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/11/2019.

Giao bị cáo Vũ Văn M cho Ủy ban nhân dân xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo Vũ Văn M có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo Vũ Văn M thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

* Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s, t khoản 1 Điều 51;17; 58; 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Tiến C 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 02 (hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/11/2019.

Giao bị cáo Lê Tiến C cho Ủy ban nhân dân xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo Lê Tiến C có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo Lê Tiến C thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

* Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s, t khoản 1 Điều 51; 36; 17; 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Chăm Xuân H 07 (bảy) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ của bị cáo tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Chăm Xuân H cho Ủy ban nhân dân xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

* Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s, t khoản 1 Điều 51; 36; 17; 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn T 07 (bảy) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ của bị cáo tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Trần Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

* Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s, t khoản 1; 2 Điều 51; 36; 17; 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Xuân H 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ của bị cáo tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Trần Xuân H cho Ủy ban nhân dân xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

* Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s, t khoản 1; 2 Điều 51; 36; 17; 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn L 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ của bị cáo tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Hoàng Văn L cho Ủy ban nhân dân xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

* Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s, t khoản 1; 2 Điều 51; 36; 17; 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn S 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ của bị cáo tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Lê Văn S cho Ủy ban nhân dân xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

* Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s, t khoản 1 Điều 51; 17; 58; 32; 35 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lương Ngọc C 35.000.000đồng (Ba mươi năm triệu đồng) nộp vào Ngân sách Nhà nước.

3. *Về vật chứng vụ án:* Về vật chứng của vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước:

12.200.000đồng (Mười hai triệu hai trăm ngàn đồng) trong đó thu trên chiếu bạc là 8.000.000đồng và 4.200.000đồng là số tiền thu giữ của bị cáo Nguyễn Quang H là 100.000đồng; Cầm Xuân H là 1.600.000đồng; Vũ Văn M là 2.000.000đồng; Nguyễn Văn T là 500.000đồng).

01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA vỏ máy màu đen, bàn phím nổi, màn hình đen trắng, máy cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết máy bên trong;

01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA vỏ máy màu đen, màn hình màu, bàn phím nổi, máy cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết máy bên trong.

- Truy thu nộp Ngân sách Nhà nước:

số tiền 200.000đồng là tiền thu lợi bất chính của bị cáo Nguyễn Trùng Đ.

- Tịch thu tiêu hủy:

Một bát sứ màu trắng, đáy bát có nhiều chữ, màu khác nhau;

Một đĩa sứ màu trắng có viền xung quanh màu vàng;

Một chiếu làm bằng cỏ đã qua sử dụng;

Một phong bì do bưu điện Việt Nam phát hành bên trong đựng 04 quân vị bằng đồng, một mặt màu đen, một mặt sáng màu;

Một phong bì do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái phát hành. Mặt trước ghi “Vật chứng thu giữ khi bắt quả tang các đối tượng có hành vi đánh bạc trái phép xảy ra tại thôn C, xã Đông Công, huyện Văn Yên, Yên Bái ngày 26/8/2019 (Sau khi giám định)”. Mặt sau phong bì các mép được dán kín có chữ ký, họ tên của Đào Thị Vui, Trương Xuân Ngọc, Lê Hồng Phong và 04 hình dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái;

Một phong bì do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái phát hành. Mặt trước ghi “Tiền thu giữ trên người Vũ Văn M, Cầm Xuân H, Nguyễn Quang H, Nguyễn Văn T sau khi bắt quả tang các đối tượng có hành vi đánh bạc trái phép xảy ra tại thôn C, xã Đông Công, huyện Văn Yên, Yên Bái ngày 26/8/2019 (Sau khi giám định)”. Mặt sau phong bì các mép được dán kín có chữ

ký, họ tên của Đào Thị Vui, Trương Xuân Ngọc, Lê Hồng Phong và 04 hình dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/11/2019 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

4. *Về án phí:* Căn cứ khoản 2 điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Các bị cáo Nguyễn Quang H; Nguyễn Trùng Đ; Nguyễn Văn T; Vũ Văn M; Phùng Văn T; Cầm Xuân H; Trần Văn T; Lê Tiến C; Trần Xuân H; Hoàng Văn L; Lê Văn S; Lương Ngọc C mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng tiền án phí HSST.

5. *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ Điều 331; 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái
- Công an huyện Văn Yên
- VKSND huyện Văn Yên
- VKSND tỉnh Yên Bái
- THADS huyện Văn Yên
- THA phạt tù (12)
- Các bị cáo (12)
- UBND xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.
- Người có quyền lợi liên quan.
- Cơ quan kiểm tra, Thanh tra huyện Văn Yên.
- Lưu HS - TA

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thoảng